

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN C
THÀNH PHỐ C**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

C, ngày 30 tháng 12 năm 2021

Số: 120/2021/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 357/2021/TLST/HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021, giữa:

* *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Minh L**, sinh năm 1966

* *Bị đơn*: Ông **Trương Văn B**, sinh năm 1958

Địa chỉ: 162/40 Phạm Ngũ Lão, P. An Hòa, Q.C, Tp. C.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 33, 59 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 22 tháng 12 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận và hoà giải thành ngày 22 tháng 12 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận chia tài sản chung sau khi ly hôn của bà Nguyễn Minh L và ông Trương Văn B.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bà Nguyễn Minh L sẽ được chia phần đất có diện tích 50,8m², loại đất ODT, thửa 806, tờ bản đồ số 113474-8-01, giấy chứng nhận QSH nhà ở và QSD đất ở số 5401050462 do UBND tỉnh C (cũ) cấp ngày 10/12/1998. Có vị trí, số đo cụ thể thể hiện tại phần được ký hiệu là A của trích đo địa chính số 130 ngày 10/12/2021 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C. Đồng thời bà L được quyền sở hữu toàn bộ công trình, kiến trúc được xây dựng trên phần đất này, gồm: Căn nhà bán kiên cố, trệt, nền gạch men, trần nhựa. Diện tích xây dựng bằng diện

tích sử dụng là 28,37m².

- Ông Trương Văn B được chia phần đất có diện tích 22,7m², loại đất ODT, thửa 806, tờ bản đồ số 113474-8-01, giấy chứng nhận QSH nhà ở và QSD đất ở số 5401050462 do UBND tỉnh C (cũ) cấp ngày 10/12/1998. Có vị trí, số đo cụ thể thể hiện tại phần được ký hiệu là B của trích đo địa chính số 130 ngày 10/12/2021 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C. Đồng thời ông B được quyền sở hữu toàn bộ công trình, kiến trúc được xây dựng trên phần đất này, gồm: Căn nhà bán kiên cố, sàn ván, 01 trệt, mái tole, nền gạch men, trần nhựa. Diện tích xây dựng 19,76m², diện tích sử dụng là 39,52m².

(Có kèm theo trích đo địa chính số 130 ngày 10/12/2021 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C)

- Về chi phí đo đạc, định giá, bảng trích đo địa chính: Số tiền là 5.000.000đồng. Bà L tự nguyện chịu chi phí này. Bà đã nộp xong.

- Về án phí: Do ông Trương Văn B đã trên 60 tuổi. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì ông B được miễn toàn bộ án phí vụ kiện.

Bà Nguyễn Minh L phải chịu án phí là: $(50,8\text{m}^2 \times 3.100.000\text{đồng}/1\text{m}^2) + (28,37\text{m}^2 \times 3.655.000 \times 60\%) = 219.695.410 \times 2,5\% = 5.492.000\text{đồng}$. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 3.012.500đồng mà bà L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001153 ngày 23/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C. Bà L phải nộp thêm 2.479.500đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhân:

- Đương sự;
- VKS Q. C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Cao Thị Thanh Trúc

